

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Trần Công Ân.**

2. Ngày tháng năm sinh: 23/12/1978; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 243/36, Khu dân cư 351, đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TPCT.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 8, đường 11, Khu dân cư cán bộ ĐHCT, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại di động: 0949004868; E-mail: tcan@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 10/2001 đến tháng 6/2005: Giảng viên, Khoa Công nghệ thông tin và Truyền Thông, Trường Đại học Cần Thơ.

Từ tháng 6/2005 đến tháng 5/2007: Học thạc sĩ, Viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan.

Từ tháng 5/2007 đến tháng 11/2008: Giảng viên, Khoa Công nghệ thông tin và Truyền Thông, Trường Đại học Cần Thơ.

Từ tháng 11/2008 đến tháng 10/2013: Nghiên cứu sinh, Trường đại học Massey, New Zealand.

Từ tháng 11/2013 đến tháng 5/2014: Giảng viên, Khoa Công nghệ thông tin và Truyền Thông, Trường Đại học Cần Thơ.

Từ tháng 5/2014 đến tháng 4/2018: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn, Bộ môn CNTT, Khoa Công nghệ thông tin và Truyền Thông, Trường Đại học Cần Thơ.

Từ tháng 4/2018 đến tháng 12/2022: Giảng viên chính, Phó trưởng bộ môn, Bộ môn CNTT, Khoa Công nghệ thông tin và Truyền Thông, Trường Đại học Cần Thơ.

Từ tháng 12/2022 đến nay: Giảng viên chính, Phó trưởng khoa, Khoa CNTT, Trường CNTT-TT, Trường Đại học Cần Thơ.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa CNTT, Trường CNTT-TT, Trường Đại học Cần Thơ.

Địa chỉ cơ quan: ĐHCT, Khu 2, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại cơ quan: +84 292 3831 530.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm.....: Chưa.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 8 năm 2001; số văn bằng: B299767; ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Cần Thơ, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 5 năm 2007; số văn bằng: không có; ngành: Khoa học máy tính; chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan.
- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 11 năm 2013; số văn bằng: không có; ngành: Khoa học máy tính; chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Massey University, New Zealand.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm, ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Máy học cho logic mô và smart homes.
- Hướng nghiên cứu 2: Máy học sâu và ứng dụng: nghiên cứu về các mô hình máy học sâu CNN, RNN,... cho các bài toán phân loại, phát hiện đối tượng, phân vùng ứng dụng trong nông nghiệp thông minh, y tế,...
- Hướng nghiên cứu 3: Công nghệ chuỗi khối (blockchain) và chuyển đổi số.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): **06** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **02** đề tài NCKH cấp cơ sở;
- Đã công bố **43** bài báo khoa học, trong đó có **08** bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) **00** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách/giáo trình đã xuất bản **04**, trong đó **04** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **00**.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không có.

16. Kỷ luật (hành vi vi phạm kỷ luật, vi phạm quy định, vi phạm quy định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về tiêu chuẩn nhà giáo: Căn cứ vào các quy định về tiêu chuẩn của nhà giáo, ứng viên tự đánh giá mình đạt các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định. Cụ thể, ứng viên có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo; có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng; có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp; lý lịch bản thân rõ ràng, và là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Về nhiệm vụ của nhà giáo: Dựa trên kết quả công tác trong các năm qua và năng lực cá nhân, ứng viên tự nhận xét mình có khả năng đáp ứng và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo. Cụ thể, ứng viên thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân, tuân thủ pháp luật của Nhà nước và các quy định của nhà Trường; không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn; luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng và bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm (thâm niên công tác 22 năm).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020	00	00	00	02	510	00	510 / 822,7 / 238
2	2020-2021	00	00	02	00	480	30	510 / 855,5 / 238
3	2021-2022	00	00	03	03	420	00	420 / 772,5 / 238
03 năm học cuối								
4	2022-2023	00	00	00	03	450	30	480 / 735,0 / 238
5	2023-2024	00	00	01	03	390	60	450 / 829,0 / 238
6	2024-2025	00	00	00	07	240	60	300 / 823,0 / 238

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận văn ThS: ☒ ; tại nước: Thái Lan; năm 2007.
Học ThS tại Viện Công nghệ Châu Á (Thái Lan) 2 năm bằng Tiếng Anh. Luận văn ThS viết bằng Tiếng Anh.
- Bảo vệ luận văn TS: ☒ ; tại nước: New Zealand; năm 2013.
Học TS tại Trường ĐH Messey, New Zealand trong thời gian 5 năm bằng Tiếng Anh. Luận án TS viết bằng Tiếng Anh.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.
Giảng dạy chương trình Chất lượng cao bằng Tiếng Anh cho sinh viên ngành CNTT từ năm 2018 đến nay.
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):.....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Hàng Văn Kiềng		HVCH	X		4/2020 – 7/2021	Trường Đại học Cần Thơ	31/12/2021
2	Trần Văn Thiện		HVCH	X		4/2020 – 11/2021	Trường Đại học Cần Thơ	31/12/2021
3	Võ Thúy Huỳnh		HVCH	X		1/2022 – 9/2023	Trường Đại học Cần Thơ	29/12/2023
4	Lê Phúc Thịnh		HVCH	X		1/2022 – 9/2023	Trường Đại học Cần Thơ	29/12/2023
5	Lý Trí Hoa		HVCH	X		1/2022 – 4/2024	Trường Đại học Cần Thơ	8/7/2024
6	Nguyễn Viết Vinh		HVCH	X		1/2024 – 12/2024	Trường Đại học Cần Thơ	18/3/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
	Không có						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Giáo trình Lập trình Web	GT	NXB Đại học Cần Thơ, 2015	04		1 – 62	2091/GXN-ĐHCT
2	Giáo trình Lập trình hướng đối tượng	GT	NXB Đại học Cần Thơ, 2016	02	X	1 – 156	2146/GXN-ĐHCT
3	Giáo trình Công nghệ J2EE	GT	NXB Đại học Cần Thơ, 2019	02	X	1 – 75	2147/GXN-ĐHCT
4	Giáo trình Nguyên lý hệ quản trị CSDL	GT	NXB Đại học Cần Thơ, 2021	04	X	107 – 175	2148/GXN-ĐHCT

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Không có.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
	Không có.				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Ứng dụng logic mô tả để nhận diện các hành vi bất thường trong smart homes	CN	Mã số: TCN2016-17, cấp cơ sở (Trường ĐHCT).	5/2014 – 2/2015	19/6/2016 Xếp loại: Tốt.
2	Hệ thống hỗ trợ công tác cố vấn học tập trên thiết bị di động	CN	Mã số: T2015-30, đề tài cấp cơ sở (Trường ĐHCT).	6/2015 – 5/2016	14/6/2016 Xếp loại: Tốt.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS (Sắp xếp theo thứ tự thời gian)							
1	Use Cases for Abnormal Behaviour Detection in Smart Homes	5	X	Hội thảo: In Aging Friendly Technology for Health and Independence. LNCS, Springer ISBN: 978-3-642-13777-8 ISSN: 0302-9743 DOI: 10.1007/978-3-642-13777-5_18	Scopus	46	LNCS 6159. Trang 144-151	6/2010

2	Exploring the responsibilities of single-inhabitant Smart Homes with Use Cases	6		Tạp chí: Journal of Ambient Intelligence and Smart Environments. ISSN: 1876-1364 DOI: 10.3233/AIS-2010-0076	ISI, Scopus, Q2	31	Tập 2, số 3. Trang 211-232	9/2010
3	An approach to parallel class expression learning	4	X	Hội thảo: Rules on the Web: Research and Applications. LNCS, Springer ISBN 978-3-642-32689-9 DOI: 10.1007/978-3-642-32689-9_25	Scopus	29	LNCS 7438. Trang 302 - 316	8/2012
4	Two-way Parallel Class Expression Learning	4	X	Hội thảo: Asian Conference on Machine Learning 2012. ISSN: 2640-3498		06	PMLR 25. Trang 443-458	11/2012
5	An Approach to Numerical Refinement in Description Logic Learning for Learning Activities Duration in Smart Homes	4	X	Hội thảo: Workshop at the 14 th AAAI Conference on Space, Time, and Ambient Intelligence		02	Trang 22-28	01/2013
II	Sau khi được công nhận TS <i>(Xếp theo thứ tự thời gian)</i>							
6	Improving Predictive Specificity of Description Logic Learner by Fortification	4	X	Hội thảo: Asian Conference on Machine Learning 2013. ISSN: 2640-3498	Scopus		PMLR 29 Trang 419-434	11/2013
7	Máy học song song cho logic mô tả	1	X	Hội thảo quốc gia lần thứ XVII: Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT (@2014) ISBN: 978-604-67-0426-3			Trang 82-87	2014
8	Application of Description Logic Learning in Abnormal Behaviour	1	X	Hội thảo: The 2015 IEEE RIVF International Conference on Computing & Communication Technologies-Research,		03	Trang 7-12	2/2015

	Detection in Smart Homes			Innovation, and Vision for Future (RIVF). ISBN:978-1-4799-8044-4 DOI: 10.1109/RIVF.2015.7049866				
9	Phát hiện phổ quần thể rầy nâu dựa trên tiếp cận xử lý ảnh hình thái	3		Hội thảo: hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ VIII (FAIR 2015). ISBN: 978-604-913-397-8			Trang 555-563	2015
10	Phương pháp khử nhiễu trong phát hiện quần thể rầy nâu dựa trên xử lý ảnh hình thái	3		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333			Trang 121-127	2015
11	An Approach to Detecting Brown Plant Hopper Based on Morphological Operations	3	X	Hội thảo: Nature of Computation and Communication: Second International Conference. ISBN: 978-3-319-46909-6 DOI: 10.1007/978-3-319-46909-6_6		03	LNICST 168 Trang 52 - 61	3/2016
12	Nhận dạng hành vi của bò sử dụng gia tốc kế và giải thuật máy học rừng ngẫu nhiên	3	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333 DOI: 10.22144/ctu.jsi.2017.011			CD-CNTT(2017) Trang 80-87	10/2017
13	Xây dựng ontology tự động từ bảng chú giải	3	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333 DOI: 10.22144/ctu.jsi.2017.018			CD-CNTT(2017) Trang 133-139	10/2017
14	Tìm kiếm ảnh theo nội dung và ngữ nghĩa	3	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333 DOI: 10.22144/ctu.jsi.2017.008			CD-CNTT(2017) Trang 58-64	10/2017
15	Phát hiện té ngã cho người cao tuổi bằng gia tốc kế và mô hình học sâu Long Short-Term Memory	8	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333 DOI: 10.22144/ctu.jsi.2017.009		03	CD-CNTT(2017) Trang 65-71	10/2017

16	Symmetric Parallel Class Expression Learning	4	X	Tạp chí: Journal of Machine Learning Research (JMLR) ISSN: 1532-4435	ISI, Scopus, Q1	33	Tập 18, Số 64 Trang 1-34	8/2017
17	Building a Product Origins Tracking System based on Blockchain and PoA Consensus Protocol	5	X	Hội thảo: The International Conference on Advanced Computing and Applications 2019. ISBN: 978-1-7281-4723-9 DOI: 10.1109/ACOMP.2019.00012		42	Trang 27-33	2019
18	Counting Brown Planthoppers in Light-Trap Images Using Morphological Operations	4	X	Tạp chí: EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications. ISSN: 2409-0026 DOI: 10.4108/eai.13-7-2018.159352			Tập 6, số 17 Trang 1-8 (e2)	6/2019
19	A Model for Real-time Traffic Signs Recognition based on the YOLO Algorithm - A Case Study using Vietnamese Traffic Signs	5	X	Hội thảo: Future Data and Security Engineering: 6th International Conference. ISSN: 0302-9743 DOI: 10.1007/978-3-030-35653-8_8	Scopus	06	LNCS 11814 Trang: 104-116	11/2019
20	Feature Selection Using Local Interpretable Model-Agnostic Explanations on Metagenomic Data	4		Hội thảo: Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications. ISSN: 1865-0929 DOI: 10.1007/978-981-33-4370-2_24	Scopus	03	CCSI 1306 Trang 340-357	11/2020
21	Recognition and Quantity Estimation of Pastry Images Using Pre-training Deep Convolutional Networks	3	X	Hội thảo: Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications. ISSN: 1865-0929 DOI: 10.1007/978-981-33-4370-2_15	Scopus	11	CCIS 1306 Trang 200-214	11/2020
22	Ontology-Based Shrimp and Fish Diseases Diagnosis	2	X	Hội thảo: Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and	Scopus	01	CCIS 1306 Trang 151-165	11/2020

				Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications. ISSN: 1865-0929 DOI: 10.1007/978-981-33-4370-2_11				
23	Real-time Recognition of Medicinal Plant Leaves Using Bounding-box Based Models	5	X	Hội thảo: 2020 International Conference on Advanced Computing and Applications. ISBN: 978-1-7281-8167-7 DOI: 10.1109/ACOMP50827.2020.00013		12	Trang 34-41	2/2021
24	The Impact of the COVID-19 Pandemic on College Students: An Online Survey	12		Tạp chí: Sustainability ISSN: 2071-1050 DOI: 10.3390/su131910762	ISI, Scopus, Q1	30	Tập 13, số 19 Trang 10762	9/2021
25	Pesticide Label Detection Using Bounding Prediction-Based Deep Convolutional Networks	4	X	Hội thảo: International Conference on Future Data and Security Engineering. ISSN: 0302-9743 DOI: 10.1007/978-3-030-91387-8_13	Scopus	04	LNCS 13076 Trang 195-210	11/2021
26	A Consortium Blockchain-Based Platform for Academic Certificate Verification	4	X	Hội thảo: International Conference on Future Data and Security Engineering. ISSN: 0302-9743 DOI: 10.1007/978-981-16-8062-5_23	Scopus	06	CCIS 1500 Trang 346-360	11/2021
27	A Model for Car Registration System based on Blockchain Technology	5	X	Hội thảo: 15th International Conference on Advanced Computing and Applications. ISBN: 978-1-6654-0639-0 DOI: 10.1109/ACOMP53746.2021.00038		02	Trang 210-214	11/2021
28	Social Distancing Violation Detection in Video Using ChessBoard and	3	X	Hội thảo: International Conference on Future Data and Security Engineering.	Scopus		CCIS 1688. Trang 462-476	11/2022

	Bird's-eye Perspective			ISSN: 1865-0929 DOI: 10.1007/978-981-19-8069-5_31				
29	Information Extraction from Invoices by using a Graph Convolutional Neural Network: A Case Study of Vietnamese Stores	3	X	Tạp chí: IEIE Transactions on Smart Processing and Computing. ISSN: 2287-5255 DOI: 10.5573/IEIESPC.2022.11.5.316	Scopus, Q4	01	Tập 11, số 5. Trang 316-323	8/2022
30	An Approach for Counting Breeding Eels Using Mathematical Morphology Operations and Boundary Detection	4	X	Tạp chí: Applied Computer Systems. ISSN: 2255-8691 DOI: 10.2478/acss-2022-0012	ESCI		Tập 27, số 2. Trang 110-118	1/2023
31	Human Voice Recognition for Subtitle Generators on Khmer and Vietnamese Newsletter Videos	5	X	Hội thảo: 2022 RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies. ISBN: 978-1-6654-6166-5 DOI: 10.1109/RIVF55975.2022.10013914			Trang 124-129	1/2023
32	An Implementation and Evaluation of Layer 2 for Ethereum with zk-Rollup	4	X	Hội thảo: Computational Data and Social Networks. ISSN: 0302-9743 DOI: 10.1007/978-3-031-26303-3_10	Scopus	03	LNCS 13831 Trang 107-115	2/2023
33	Medical Records Sharing System Based on Blockchain: A Case Study in Vietnam	3	X	Hội thảo: Information Systems for Intelligent Systems: Proceedings of ISBM 2022. ISSN: 2190-3018 DOI: 10.1007/978-981-19-7447-2_16	Scopus		SIST 324. Trang 179-188	3/2023
34	An Image-Based Rice Weighing Estimation Approach on Clock Type Weighing Scale Using Deep	3	X	Tạp chí: Advances in Technology Innovation. ISSN: 2415-0436 DOI: 10.46604/aiti.2023.10926	Scopus, Q3		Tập 8, số 2. Trang 100-110	4/2023

	Learning and Geometric Transformations							
35	Building a deep ontology-based herbal medicinal plant search system	4	X	Tạp chí: International Journal of Information Technology. ISSN: 2511-2112 DOI: 10.1007/s41870-023-01250-6	Scopus, Q2	4	Tập 15, số 4. Trang 2209-2223	4/2023
36	Dealing with New User Problem Using Content-Based Deep Matrix Factorization	4		Hội thảo: 36th International Conference on Industrial, Engineering and Other Applications of Applied Intelligent Systems. ISSN: 0302-9743 DOI: 10.1007/978-3-031-36822-6_16	Scopus	01	LNCS 13926 Trang 177-188	7/2023
37	A Transfer Learning-Based Approach for Rice Plant Disease Detection	4	X	Hội thảo: International Conference on Industrial, Engineering and Other Applications of Applied Intelligent Systems. ISSN: 0302-9743 DOI: 10.1007/978-3-031-36819-6_13	Scopus		LNAI 13925 Trang 145-150	7/2023
38	Course Recommendation Based on Graph Convolutional Neural Network	5	X	Hội thảo: 36th International Conference on Industrial, Engineering and Other Applications of Applied Intelligent Systems. ISSN: 0302-9743 DOI: 10.1007/978-3-031-36819-6_20	Scopus		LNAI 13925 Trang 235-240	7/2023
39	Blockchain-Based Platform for IoT Sensor Data Management	4	X	Hội thảo: International Conference on Intelligent Systems and Data Science. ISSN: 1865-0929 DOI: 10.1007/978-981-99-7649-2_11	Scopus		CCIS 1949 Trang 138-152	10/2023
40	Towards real-time secured IP camera via state machine architecture	3	X	Tạp chí: International Journal of Information Technology. ISSN: 2511-2112	Scopus, Q2	06	Tập 16. Trang 329-336	11/2023

				DOI: 10.1007/s41870-023-01573-4				
41	Efficiency evaluation of filter sizes on graph convolutional neural networks for information extraction from receipts	3	X	Tạp chí: International Journal of Information Technology ISSN: 2511-2112 DOI: 10.1007/s41870-024-02089-1	Scopus, Q2	03	Tập 2024. Trang 1-10	8/2024
42	Ontology-Based Semantic Search for Physics Subject: A Case Study at a Vietnamese High School	3	X	Tạp chí: Knowledge Organization. ISSN: 2942-3309 DOI: 10.31083/KO40034	ISI, Scopus, Q2		Tập 52(2). Trang: 40034	4/2025
43	VeinKAN: A Finger Vein Recognition Model Based on Kolmogorov–Arnold Networks	2	X	Tạp chí: Applied Computer Systems. ISSN: 2255-8691 DOI: 10.2478/acss-2025-0008	ESCI		Tập 30(2025). Trang 68-74	5/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **06** ([16], [34], [35], [40], [41], [42]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Không có.						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Không có.						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Không có.				

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Không có.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Không có.				

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: Không có.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Không có.					

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế: Không có.

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Công Ân